

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ SÔNG CẦU
TỈNH PHÚ YÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 32/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 30 – 10 – 2023.

V/v Xin ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ SÔNG CẦU, TỈNH PHÚ YÊN

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Hà.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Văn Hiến.
- Ông Nguyễn Ngọc Chấn.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Phạm Việt Triều – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Sông Cầu, tỉnh Phú Yên.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Sông Cầu tham gia phiên tòa:** Ông Trương Đức Cảnh - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 10 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Sông Cầu, tỉnh Phú Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 146/2023/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 9 năm 2023 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 33/2023/QĐXXST- HNGĐ ngày 17 tháng 10 năm 2023 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Trần Thị V, sinh năm 1984.

Nơi ĐKTT: thôn H, xã X, thị xã S, tỉnh Phú Yên.

Chỗ ở hiện nay: Thôn D, xã X, thị xã S, tỉnh Phú Yên.

- **Bị đơn:** Anh Nguyễn Văn N, sinh năm 1979.

Địa chỉ: Thôn H, xã X, thị xã S, tỉnh Phú Yên.

Các đương sự đều có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Theo đơn khởi kiện và bản trình bày có tại hồ sơ vụ án, nguyên đơn chị Trần Thị V trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị V và anh N tự nguyện kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn tại UBND xã X, thị xã S, tỉnh Phú Yên vào ngày 18/4/2008 (nay là xã X). Sau khi kết hôn, vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, tình cảm vợ chồng ngày càng xa cách, đời sống vợ chồng không còn hoà hợp, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Nay chị V có yêu cầu ly hôn với anh N.

Về con chung: Chị V và anh N có 03 con chung tên: Nguyễn Thị T, sinh ngày 17/5/2008, Nguyễn Văn T1, sinh ngày 08/2/2010 và Nguyễn Thị Kim L, sinh ngày 28/12/2014, hiện cháu T1 và L đang do anh N nuôi dưỡng, chị V đồng ý giao cháu cháu T1 và L cho anh N nuôi và chị V không phải cấp dưỡng nuôi con. Chị V yêu cầu nuôi cháu T, không yêu cầu anh N cấp dưỡng cháu T.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị V không yêu cầu Toà án giải quyết.

**Theo biên bản lấy lời khai của đương sự lập ngày 12/10/2023 và đơn xin xét xử vắng mặt có tại hồ sơ vụ án, bị đơn anh Nguyễn Văn N trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Anh N và chị V có tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã X, thị xã S, tỉnh Phú Yên vào ngày 18/4/2008 (nay là UBND xã X). Quá trình sống chung, vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là vào đầu năm 2023, vợ chồng làm ăn gặp khó khăn về kinh tế, anh N bị bệnh, làm ăn không có tiền, nên chị V thường xuyên vô cớ cáu gắt, tìm chuyện cãi nhau và chị V tự ý bỏ nhà đi từ giữa tháng 3/2023 đến nay. Nay chị V yêu cầu ly hôn thì anh N đồng ý ly hôn với chị V.

Về con chung: Anh N và chị V có 03 con chung: Nguyễn Thị T, sinh ngày 17/5/2008, Nguyễn Văn T1, sinh ngày 08/2/2010 và Nguyễn Thị Kim L, sinh ngày 28/12/2014, hiện cháu T1 và L đang do anh N nuôi dưỡng, anh N có yêu cầu nuôi cháu T1 và cháu L, không yêu cầu chị V cấp dưỡng nuôi con, riêng cháu T có nguyện vọng ở với ai do cháu tự quyết định.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh N không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại phiên toà:

Nguyên đơn chị V và bị đơn anh N đều có đơn xin xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Sông Cầu phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án: Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đều thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn có đơn xét xử vắng mặt; đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) căn cứ Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn. Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị V đối với anh N. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thị T, sinh ngày 17/5/2008 cho chị V nuôi dưỡng, giao cháu Nguyễn Văn T1, sinh ngày 08/2/2010 và Nguyễn Thị Kim L, sinh ngày 28/12/2014 cho anh N nuôi dưỡng, chị V và anh N đều không phải cấp dưỡng nuôi

con. Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên không xem xét. Về án phí: nguyên đơn phải chịu án phí HNGĐ sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: chị V có yêu cầu ly hôn, giải quyết về con chung đối với anh N. Bị đơn anh Nguyễn Văn N có nơi cư trú tại Thôn H, xã X, thị xã S, tỉnh Phú Yên. Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Sông Cầu, tỉnh Phú Yên.

Nguyên đơn chị V và anh N đều có đơn đề nghị Toà án xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: chị V và anh N tự nguyện đăng ký kết hôn, được UBND xã X cấp giấy chứng nhận kết hôn số 13, quyền số 01/2008, ngày 18/4/2008, đây là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình giải quyết vụ án, chị V và anh N đều thống nhất xác định: quá trình sống chung, vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng thường xuyên cãi nhau, dẫn đến không còn sống chung từ tháng 3/2023. Chị V yêu cầu ly hôn, anh N đồng ý ly hôn với chị V. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn của chị V và anh N đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị V đối với anh N.

[3] Về con chung: chị V và anh N thống nhất có 03 con chung, tên: Nguyễn Thị T, sinh ngày 17/5/2008, Nguyễn Văn T1, sinh ngày 08/2/2010 và Nguyễn Thị Kim L, sinh ngày 28/12/2014. Hiện nay, cháu T do chị V nuôi dưỡng, cháu T1 và cháu L do anh N nuôi dưỡng.

HĐXX xét thấy: quá trình giải quyết vụ án, chị V có yêu cầu nuôi cháu T, không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con, anh N có yêu cầu nuôi cháu T1 và cháu L, không yêu cầu chị V cấp dưỡng nuôi con. Các con chung đã trên 7 tuổi và cháu T có nguyện vọng ở với chị V, cháu T1 và cháu L có nguyện vọng ở với anh N nên chấp nhận yêu cầu của chị V và anh N, giao cháu Nguyễn Thị T, sinh ngày 17/5/2008 cho chị V nuôi dưỡng, giao cháu Nguyễn Văn T1, sinh ngày 08/2/2010 và Nguyễn Thị Kim L, sinh ngày 28/12/2014 cho anh N nuôi dưỡng, chị V và anh N đều không phải cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: chị V và anh N không yêu cầu nên HĐXX không xét.

[5]Về án phí: chị V phải chịu án phí hôn nhân gia đình theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 56, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 28, 35, 39, 147 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn chị Trần Thị V.

1. Về quan hệ hôn nhân: chị Trần Thị V được ly hôn với anh Nguyễn Văn N.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thị T, sinh ngày 17/5/2008 cho chị V nuôi dưỡng. Giao cháu Nguyễn Văn T1, sinh ngày 08/2/2010 và Nguyễn Thị Kim L, sinh ngày 28/12/2014 cho anh N nuôi dưỡng. Chị V và anh N đều không phải cấp dưỡng nuôi con.

Chị V và anh N đều có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Khi cần thiết, các đương sự được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không giải quyết.

4. Về án phí: Chị Trần Thị V phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí chị V nộp trước tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008576 ngày 13/9/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Sông Cầu.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc niêm yết công khai.

*** Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Phú Yên(1)
- VKSND TX. Sông Cầu (2)
- THADS TX. Sông Cầu (1)
- Các đương sự (2)
- UBND xã Xuân Cảnh, TX. Sông Cầu(1)
- Lưu hồ sơ (2);
- Án Văn (2).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Trần Thị Ngọc Hà

